

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2018/DS-ST

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền
sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Kiên Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên Tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 35/2017/TLST - DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc “ *Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐST – DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Văn Q, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Cụ Nguyễn Văn Ch sinh năm 1936 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Như H, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Văn Q, huyện L, tỉnh V. (có mặt)

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Minh X, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã Văn Q, huyện L, tỉnh V.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (tên thường gọi là Nguyễn Thị L), (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Văn Q, huyện L, tỉnh V.

Bà Nguyễn Thị Minh S, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Xuân L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2017 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ông và cụ Nguyễn Văn Ch có quan hệ là cha con. Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Ch và cụ Nguyễn Thị L sinh được 06 người con là Nguyễn Quốc Th (đã mất), Nguyễn Quốc B (đã mất), Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Minh X, Nguyễn Thị S và ông.

Năm 1996 ông và vợ là bà Ngô Thị Như H có đầu thầu được diện tích đất lâm nghiệp của Hợp tác xã V với diện tích là 0,55ha (khu vực Đồi Chỗ 0,31ha và khu vực Đồi Thần là 0,24ha), thời hạn sử dụng là 50 năm, đến năm 1996 thì được giao đất sử dụng. Khi đó ông là người đứng ra đầu thầu mua đất đồi rừng và là người trực tiếp nộp tiền, làm hồ sơ giao đất toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp này tại khu vực Đồi Chỗ và khu Đồi Thần tại thôn Đ, xã V. Ông là người đứng tên trong hợp đồng bán đồi cây bạch đàn giao đất sử dụng cho xã viên và hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 1996. Nguồn tiền mua diện tích đất lâm nghiệp là tiền của hai vợ chồng ông. Tại thời điểm năm 1996 khi ông được giao diện tích đất lâm nghiệp này ông Ch vẫn đang đi công tác ở Việt Trì đến cuối tuần mới về nhà, vợ chồng ông sống cùng mẹ ông là cụ Nguyễn Thị L và đến năm 2003 thì mẹ ông mất.

Từ năm 1996 đến đầu năm 2017 vợ chồng ông canh tác sử dụng ổn định cả 02 khu đất lâm nghiệp này. Từ năm 1996 đến nay vợ chồng ông quản lý, sử dụng và thu hoạch toàn bộ cây cối và làm nhà tại khu vực Đồi Chỗ (0,31ha) không tranh chấp gì với ai.

Tuy nhiên tại khu vực Đồi Thần diện tích là 0,24ha, năm 2010 gia đình ông thu hoạch, không có ai tranh chấp, đến đầu năm 2017 khi vợ chồng ông đang thu hoạch cây cối lần 2 (toàn bộ là cây bạch đàn đang đến tuổi khai thác) thì cụ Nguyễn Văn Ch ngăn cản không cho thu hoạch nữa và cụ Ch chiếm giữ toàn bộ số cây cối còn lại chưa khai thác và cụ cho rằng diện tích đất này của cụ. Ông đã yêu cầu cụ Ch trả lại, không được ngăn cản để ông thu hoạch cây cối nhưng cụ Ch không đồng ý. Nay ông yêu cầu cụ Ch phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 0,24 ha (theo số liệu đo hiện trạng là 2452,3 m²) và toàn bộ cây cối trên đất tại khu vực Đồi Thần, thôn Đ, xã V.

Bị đơn là cụ Nguyễn Văn Ch trình bày: Cụ xác định về mối quan hệ trong gia đình như ông H trình bày là đúng. Khoảng năm 1995, 1996 Hợp tác xã V có chủ trương bán đất ao hồ và đất lâm nghiệp. Lúc này cụ đang đi công tác ở thành phố Việt Trì, không có khẩu tại địa phương và không thể trực tiếp tham gia sản xuất được nên việc đấu thầu diện tích đất này cụ không trực tiếp tham gia đấu thầu mà toàn bộ thủ tục đấu thầu làm hồ sơ đều do vợ chồng ông H đứng ra làm. Cụ có nói với những người làm ở Hợp tác xã V là cụ ủy nhiệm cho con trai là ông H đứng ra đấu thầu còn cụ không đứng tên trong danh sách đấu thầu nên mới có giấy ủy nhiệm ngày 10/3/1995. Cụ có đưa tiền cho ông H làm hai lần: lần thứ nhất cụ đưa cho ông H 7.000.000đ, lần thứ hai cụ đưa cho ông H là 3.500.000đ (cụ chỉ nhớ đưa cho ông H tổng số tiền của hai lần là 10.500.000đ vào khoảng năm 1995, năm 1996 còn thời điểm cụ thể cụ không nhớ rõ). Khi cụ đưa tiền cho ông H để mua diện tích đất lâm nghiệp tại khu vực Đồi Chỏ và Đồi Thần không viết giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến việc này. Khi mua 02 thửa đất đồi trên thì trên đất đã có sẵn cây bạch đàn, từ năm 1996 đến năm 2005 ông H đứng ra bán và thu hoạch cho cụ đồi cây tại khu vực Đồi Chỏ được 14.000.000đ. Cụ đưa cho ông H 2.000.000đ để tái sản xuất, còn lại 12.000.000đ cụ đưa cho ông H mua xe máy. Đối với đồi cây tại khu vực Đồi Thần từ năm 1996 đến năm 2008 ông H đứng ra bán cho cụ được 60.000.000đ, ông H đưa cho cụ để làm quỹ gia đình. Cũng trong năm 2008 cụ có đưa cho ông H 11.000.000đ để đầu tư tái sản xuất lại khu vực Đồi Thần.

Đến năm 2010 cụ chuyển về xã V để ở và đến khoảng tháng 03 năm 2011 cụ mới nhập hộ khẩu về xã V, cũng trong năm 2011 cụ có tổ chức họp gia đình để xác định lại toàn bộ diện tích đất ở, đất canh tác cả đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp trong gia đình. Năm 2012 cụ chuyển toàn bộ diện tích đất ở đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản từ tên bà Nguyễn Thị L (vợ của cụ) sang tên của cụ. Còn 02 diện tích đất đồi trồng cây (khu Đồi Thần và Đồi Chỏ) cụ nói là cho ông H khu vực Đồi Chỏ còn khu vực Đồi Thần (đang tranh chấp) là của cụ, nhưng ông H không đồng ý, sau đó cụ tổ chức họp gia đình nhưng vẫn không giải quyết được. Đến năm 2014 cụ có làm đơn ra Ủy ban nhân dân xã để giải quyết nhưng không thành. Cũng ngay từ năm 2011 cụ có giục ông H đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng (là diện tích đất đang tranh chấp) vì cụ thấy một số gia đình mua đất cùng thời điểm năm 1996 với nhà ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ nghĩ đơn giản là ông H đứng tên trong hồ sơ giao đất lâm nghiệp thì để ông H đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 0,24 ha luôn và sau đó ông H trả lại cho cụ để chia cho các con. Về việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồi tại khu Đồi Thần là 2452,3m² cụ không có ý kiến gì.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu cụ phải trả lại khu đất Đồi Thần 2452,3m² và cây cối trên đất cụ không đồng ý vì đây là đất của cụ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Như H trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Quốc H từ năm 1984. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng gia đình ông H ngay, khi đó bố chồng bà là ông Nguyễn Văn Ch đi công tác nên vợ chồng bà sống cùng mẹ ông H là bà Nguyễn Thị L.

Đến năm 1996 Hợp tác xã V có bán đất lâm nghiệp nên vợ chồng bà đã mua diện tích đất lâm nghiệp ở khu vực Đồi Chỏ và Đồi Thần, toàn bộ hồ sơ giao đất, thủ tục mua bán đất đều do ông H đứng tên. Ông Ch không đưa tiền cho ông H để mua đất lâm nghiệp mà nguồn tiền mua đất lâm nghiệp trên là của vợ chồng bà.

Từ năm 1996 đến nay vợ chồng bà chăm sóc, khai thác cây bạch đàn không tranh chấp với ai. Đến đầu năm 2017 vợ chồng bà đang khai thác cây ở khu đất Đồi Thần thì cụ Ch ngăn cản không cho khai thác và chiếm giữ của vợ chồng bà.

Nay quan điểm của bà đồng ý với quan điểm của ông H là yêu cầu ông Ch trả lại toàn bộ diện tích đất là 2452,3m² và toàn bộ cây cối trên đất cho vợ chồng bà.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Minh X, Nguyễn Thị H trình bày: Bà X và bà H là con gái của ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L. Về nguồn gốc diện tích hai thửa đất đồi tại xã V, huyện L hai bà có nghe ông Ch nói là của ông Ch mua của Hợp tác xã V, từ những năm 1995. Tuy nhiên khi đó vì ông Ch đi công tác xa (ông Ch làm ở Việt Trì) nên không có hộ khẩu ở địa phương, vì vậy ông Ch đã đưa tiền cho anh H nhờ anh H đứng ra mua 02 thửa đất đồi trên và ủy nhiệm cho anh H làm hợp đồng, tham gia các giao dịch mua bán đất đồi.

Từ khi mua đất đồi trên vì đi công tác xa, hai bà nghe ông Ch nói có nhờ anh H trồng cây, chăm sóc cây và thu hoạch, tuy nhiên toàn bộ tiền giống cây trồng và tiền phân bón cây là của ông Ch đưa cho anh H nhờ anh H chăm sóc. Còn tiền thu hoạch bán cây anh H có đưa cho ông Ch hay không hai bà không biết.

Nay anh H khởi kiện ông Ch quan điểm của bà X và bà H cũng giống như quan điểm của ông Ch, đây là đất của ông Ch và không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là con gái của ông Nguyễn Văn Ch. Bà đi lấy chồng tại xã X từ năm 1991 và sống tại xã X từ đó đến nay. Đối với 02 thửa đất đồi tại xã V bà không biết là do anh H hay ông Ch mua tuy nhiên bà thấy vợ chồng anh H sử dụng cả hai thửa đất đồi này từ trước đến nay. Nay giữa anh H và ông Ch xảy ra tranh chấp quan điểm của bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà làm chủ nhiệm Hợp tác xã V từ năm 1988 đến năm 2000. Trong quá trình bà làm chủ nhiệm Hợp tác xã, vào những năm 1993, 1994 Hợp tác xã V có chủ trương tổ chức đấu thầu vườn cây, ao cá thời hạn 50 năm. Cụ Ch lúc đó đang công tác ở Việt Trì, không có hộ khẩu tại địa phương nên có đặt vấn đề với Hợp tác xã xin một xuất dự thầu, cụ để cho ông H là con trai đứng tên trong danh sách dự thầu, vợ chồng ông H đứng ra nộp tiền thanh toán để nhận hợp đồng, ký kết hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã và Hợp tác xã. Cụ Ch có viết một giấy ủy nhiệm cho ông H, nhưng chỉ có chữ ký của cụ Ch và bà có ký xác nhận vào giấy ủy nhiệm ngày 10/3/1995, nhưng không có chữ ký của ông H. Việc xác nhận đó đúng là chữ ký và chữ viết của bà nhưng không biết tại sao không đóng dấu. Việc nộp tiền đất và làm thủ tục giao đất, nhận hợp đồng đều do vợ chồng anh H đến thanh toán và nhận hợp đồng còn nguồn tiền đóng là của ai thì bà không rõ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với danh sách dự thầu năm 1996 của Hợp tác xã V không thu thập được do hiện tại UBND xã V không còn lưu giữ được. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H, buộc ông Nguyễn Văn Ch phải trả lại ông Nguyễn Quốc H và bà Ngô Thị Như H 2452,3 m² diện tích đất rừng sản xuất tại thửa số 6, tờ bản đồ số 02 tại Đồi Cây Đa, xã V cùng toàn bộ cây cối trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: trong đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2017 của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch trả lại diện tích đất đồi 0,24 ha tại thôn Đ, xã Văn Q. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất” và giải quyết theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Năm 1996 ông Nguyễn Quốc H đấu thầu được 02 diện tích đất lâm nghiệp của Hợp tác xã V với diện tích là 0,55ha, trong đó khu vực Đồi Chỗ 0,31ha và khu vực Đồi Thần là 0,24ha. Đối với đất ở khu vực Đồi Chỗ hiện vợ chồng ông H đang ở và

sản xuất các bên không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, còn diện tích 0,24ha đang có tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với diện tích đất này.

Về diện tích đất 2452,3 m² diện tích đất rừng sản xuất tại thửa số 6, tờ bản đồ số 02 tại Đồi Cây Đa (Đồi Thần), xã V, huyện L mà giữa ông Nguyễn Quốc H và ông Nguyễn Văn Ch đang tranh chấp, qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng: nguồn gốc diện tích đất này trước năm 1996 là của Nhà nước do Hợp tác xã V quản lý, đến năm 1996 Hợp tác xã V đã tổ chức đấu thầu để giao cho các xã viên có nhu cầu sử dụng. Lúc này vợ chồng ông Nguyễn Quốc H bà Ngô Thị Như H có làm hồ sơ đấu thầu và đã trúng thầu diện tích đất lâm nghiệp của Hợp tác xã V với diện tích là 0,55ha , trong đó khu vực Đồi Chỏ 0,31ha và khu vực Đồi Thần là 0,24ha (diện tích đất đang tranh chấp), thời hạn sử dụng là 50 năm. Qua xem xét hồ sơ giao đất Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong các biên lai nộp tiền đất tại Hợp tác xã V và tại Quyết định số 1767/QĐ-UB ngày 30/11/1996 của Ủy ban nhân dân huyện L và biên bản giao đất lâm nghiệp trên thực địa cùng ngày 30/11/1996, người được giao đất đều đứng tên ông Nguyễn Quốc H. Từ khi được giao đến nay vợ chồng ông H vẫn sử dụng 02 diện tích đất lâm nghiệp được giao, đến năm 2014 khi Ủy ban nhân dân (UBND) xã V làm đường bê tông qua khu vực Đồi Thần, lúc đó giữa ông H và ông Ch xảy ra tranh chấp. Ngày 20/11/2013 ông Nguyễn Quốc H và bà Ngô Thị Như H được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, chính cụ Chg là người giục vợ chồng ông H đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất lâm nghiệp đang tranh chấp và cụ cũng không có ý kiến gì về việc vợ chồng ông Nguyễn Quốc H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Trong đơn khởi kiện ông Nguyễn Quốc H đòi lại diện tích đất là 0.24ha, hiện trạng sử dụng và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2452,3 m². Vì vậy cần xác định diện tích đất lâm nghiệp 2452,3 m², thửa số 6, tờ bản đồ số 02 tại Đồi Cây Đa (Đồi Thần), xã V, huyện L đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Ngô Thị Như H. Việc ông Nguyễn Quốc H yêu cầu cụ Nguyễn Văn Ch phải trả lại diện tích đất này cùng toàn bộ cây cối trên đất gồm: 80 cây bạch đàn có đường kính 20cm trở lên trị giá 16.000.000đ và 250 cây bạch đàn có đường kính từ 10cm đến dưới 20cm trị giá 7.500.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc cụ Nguyễn Văn Ch cho rằng nguồn tiền để đấu thầu được diện tích đất đang tranh chấp là của cụ, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa cụ không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh việc cụ đưa tiền cho ông H để

đứng ra đấu thầu, cụ cũng thừa nhận việc đăng ký tham gia đấu thầu và danh sách đấu thầu đều đứng tên ông Nguyễn Quốc H, cụ chỉ là người đứng ra xin một xuất đấu thầu, những người làm việc trong Hợp tác xã lúc đó cũng chỉ xác nhận là cụ Ch có ra xin xuất đấu thầu chứ không trực tiếp dự thầu và đấu thầu, vì lúc đó cụ không có khẩu tại địa phương và cũng không thể trực tiếp tham gia sản xuất được, cụ cũng không có ý kiến gì về việc ông Nguyễn Quốc H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc cụ xác định đây là đất của cụ là không có căn cứ. Mặt khác, cụ trình bày cụ là người đứng ra khai thác đồi cây đang tranh chấp vào năm 2008 nhưng cụ không đứng ra giao dịch mà vợ chồng ông H là người đứng ra giao dịch việc khai thác, cụ không biết người mua là ai, nên không có căn cứ xác định cụ là người đứng ra khai thác.

Đối với giấy ủy nhiệm đề ngày 10/3/1995, tại phiên tòa cụ Ch thừa nhận việc tự mình làm giấy ủy nhiệm cho ông Hồ và xin xác nhận của bà Nguyễn Thị V lúc đó làm Chủ nhiệm Hợp tác xã V, ông H cũng không biết việc ông viết giấy ủy nhiệm. Giấy ủy nhiệm chỉ có chữ ký của người ủy quyền mà không có chữ ký của người được ủy quyền, không có xác nhận và đóng dấu của chính quyền địa phương nên giấy ủy nhiệm này không có giá trị về mặt pháp lý.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền chi phí định giá tài sản, ông Nguyễn Quốc H tự nguyện chịu cả không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 52 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H, buộc ông Nguyễn Văn Ch phải trả lại vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Ngô Thị Như H diện tích đất lâm nghiệp 2452,3 m², thửa số 6, tờ bản đồ số 02, cùng toàn bộ cây cối trên đất gồm: 80 cây bạch đàn có đường kính 20cm trở lên trị giá 16.000.000đ và 250 cây bạch đàn có đường kính từ 10cm đến dưới 20cm trị giá 7.500.000đ tại Đồi Cây Đa (Đồi Thần), xã V, huyện L, tỉnh V.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại ông Nguyễn Quốc H 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001433 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

